

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-PT**

Ngày 15 - 5 - 2020

V/v: «Xin ly hôn»

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến;

Ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai A, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 138 Hẻm 121 đoạn 3, đường T, thành phố C, huyện C1, Trung Quốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai A: Bà Lê Thị Trà M-Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 40 đường Y, phường Th, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Ông Mai Q.

- Bà Nguyễn Thị L.

Cùng trú tại : 40 Đường Y, phường Th, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Mai A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/9/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Mai A trình bày:

Ông và bà Trương Thị H sau thời gian tìm hiểu được 01 năm đã tiến hành kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22/8/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ Ông tại 40 Đường Y, phường Th, thành phố H1. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc, tuy nhiên do sống với nhau không có con chung nên khiến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2008, ông sang Trung Quốc để lao động còn bà H ở Việt Nam, lúc đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau, thỉnh thoảng ông có về Việt Nam, nhưng sau đó tình cảm vợ chồng càng phai nhạt và không liên lạc với nhau nữa. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục để đoàn tụ vợ chồng nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị H.

Tại bản từ khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Trương Thị H trình bày:

Bà thừa nhận quá trình kết hôn như ông Mai A trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn như ông Mai A đã trình bày. Theo bà H, nguyên nhân ông Mai A muốn ly hôn bà là do ông có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn bà để chung sống với người phụ nữ này và cũng để ông được nhập quốc tịch Đài Loan mà tiếp tục lao động ở Đài Loan. Quá trình chung sống giữa bà và ông Mai A không có gì mâu thuẫn trầm trọng để ly hôn, sau khi kết hôn thì do cuộc sống và điều kiện công việc nên vợ chồng vẫn thường xuyên đi về giữa Việt Nam và Trung Quốc. Vấn đề không có con chung là nguyên nhân dẫn đến việc ông Mai A ly hôn bà là không có căn cứ, bởi lẽ ông Mai A biết rất rõ nguyên nhân của việc không có con chung này. Nay, bà H cho rằng bà vẫn còn thương yêu ông Mai A, bên cạnh đó thời gian ông Mai A đi lao động ở Trung Quốc cũng sắp hết nên vợ chồng sắp được đoàn tụ tại Việt Nam để vợ chồng có điều kiện chăm sóc lẫn nhau nên bà không đồng ý ly hôn với ông Mai A.

Về con chung: Ông Mai A và bà Trương Thị H cũng xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Mai A và bà H đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Mai A và bà H đều công nhận vợ chồng có nợ bà Trương Thị Th số tiền 50.000.000 đồng. Hiện nay, bà Th đã xác nhận ông Mai A và bà H đã trả đủ số tiền nói trên nên bà Th không yêu cầu Tòa án

xem xét khoản nợ nói trên. Đồng thời, bà Th cũng từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai A xin ly hôn bà Trương Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, ông Mai A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Ông Mai A có Đơn trình bày ý kiến ngày 17/10/2019 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai A trình bày: Vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông Mai A không còn tình cảm vợ chồng với bà H, ông Mai A đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Mai A, sửa án sơ thẩm cho ông A được ly hôn với bà H.

Bà Trương Thị H trình bày: Không thống nhất ý kiến của Luật sư, bà vẫn còn tình cảm với chồng, mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Mai A xin ly hôn bà Trương Thị H, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, ngày 17/10/2019 ông Mai A có Đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ

luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Mai A đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm cho ông được ly hôn với bà Trương Thị H. Xét thấy, sau khi kết hôn được một thời gian, vì lý do công việc nên giữa hai vợ chồng không thường xuyên ở chung với nhau mà ông Mai A đi xuất khẩu lao động ở Trung Quốc từ năm 2008 cho đến nay (12 năm); ông A đã từ lâu không còn liên lạc và không còn tình cảm với bà H nên không quan tâm chăm sóc, tiền mỗi người làm ra tự cất giữ, không có con chung, mỗi khi ông A về thăm nhà hai vợ chồng đều cãi nhau, có lời nói xúc phạm nhau, tự sống ly thân. Ngược lại bà Trương Thị H cho rằng: Do ông Mai A có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới làm đơn ly hôn, thực tế mâu thuẫn không trầm trọng như ông A trình bày, bà vẫn còn tình cảm, thương yêu chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy ông Mai A cho rằng giữa ông và bà H đời sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; hai bên gia đình đã cố gắng khuyên can, hàn gắn nhưng không có kết quả nhưng bà H cho rằng bà vẫn còn tình cảm, thương yêu ông A. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của ông A để tạo điều kiện cho vợ chồng có thời gian để suy nghĩ lại, vun đắp, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai A; ý kiến của Kiểm sát viên không phù hợp nên không chấp nhận, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Mai A, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mai A xin ly hôn với bà Trương Thị H.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 006060 ngày 05/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H1.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Mai A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 005551 ngày 05/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Thông